TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2025/HS-PT
Ngày 26 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng
Ông Trần Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký viên.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 212/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Ngọc D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2025/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ).

Bị cáo có kháng cáo: **Vũ Ngọc D**, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1993 tại thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ G, Phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: Tổ G, phường P, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc L và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H1 và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 14/9/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh P - Cơ sở B; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Ngọc D: Ông Phạm Văn T, Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P (trước đây là: Đoàn Luật sư tỉnh V); có mặt.

- Bị hại: Chi nhánh Công ty TNHH O tại Vĩnh Phúc; địa chỉ: khu Công Nghiệp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: xã B, tỉnh Phú Thọ); vắng mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (Toà án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chi nhánh Công ty TNHH O tại Vĩnh Phúc (viết tắt là Chi nhánh Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0200575693-003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh V cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/02/2022; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 21/3/2023; người đại diện theo pháp luật là ông Cồ Như C, Giám đốc Chi nhánh; hoạt động theo uỷ quyền của Công ty TNHH O (địa chỉ: khu công nghiệp N - Hải Phòng, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng), người đại diện pháp luật là Ông Yasuki S, quốc tịch Nhật Bản. Vốn đầu tư 100% của Nhật Bản.

Vũ Ngọc D được Chi nhánh Công ty ký hợp đồng lao động, vị trí làm việc tại bộ phận kho của Chi nhánh Công ty, thời gian làm việc từ ngày 21/5/2023 đến 20/5/2024. Từ ngày 14/01/2024, Vũ Ngọc D được Chi nhánh Công ty giao nhiệm vụ là nhóm trưởng nhóm giấy cuộn của bộ phận kho theo sơ đồ tổ chức bộ phận kho (giao hàng có xác nhận của ông Đỗ Quý M, Giám đốc Chi nhánh Công ty), D có nhiệm vụ: sắp xếp công việc, đào tạo cho công nhân thực hiện công việc trong khu vực giấy cuộn của kho; kiểm tra, theo dõi giấy cuộn được Chi nhánh Công ty nhập, mua về và xuất đi trong bộ phận kho và theo dõi trên hệ thống nội bộ về giấy cuộn của Chi nhánh Công ty; hàng ngày báo cáo kết quả công việc với các bộ phận khác trong Chi nhánh Công ty, báo cáo cấp trên nếu có sự cố, tìm ra nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục.

Thời gian khoảng cuối tháng 01/2024, anh Nguyễn Văn K (sinh năm 1981; trú tại: thôn M, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng) thông báo bằng miệng cho D biết: Khiển được Chi nhánh Công ty bổ nhiệm làm Trưởng phòng bộ phận kho, kiêm trưởng bộ phận kho, công việc rất nhiều không có thời gian quản lý ở bộ phận kho nên Lãnh đạo Chi nhánh Công ty đã đồng ý chủ trương sẽ đưa D lên vị trí trưởng bộ phận kho thay thế K vì D đã được đào tạo nghiệp vụ về quản lý kho ở Công ty TNHH O, nhưng trước khi được bổ nhiệm chính thức sẽ phải trải qua thời gian thử thách hết năm 2024; ban đầu tạm giao quyền cho D quản lý bộ phận kho, Du có quyền hạn và nhiệm vụ tương đương như trưởng bộ phận kho nhưng các công việc đột xuất vẫn phải báo cáo Khiển. Tại cuộc họp ở bộ phận kho có đầy đủ công nhân viên, K thông báo cho mọi người biết về việc giao cho D làm quản lý bộ phận kho tại Chi nhánh Công ty, D được toàn quyền phân công mọi người làm việc, chịu trách nhiệm quản lý hàng hóa nhập vào, xuất ra tại kho, báo cáo định kỳ số lượng hàng hóa trong kho..., báo cáo kết quả công việc ở bộ phận kho cho K. Việc giao quản lý bộ phận kho cho D chỉ là giao bằng miệng, chưa giao bằng văn bản giấy tờ cụ thể.

Khi được giao là quản lý bộ phận kho, kiêm nhóm trưởng nhóm giấy cuộn, D thấy nhiều cuộn giấy cuộn của Công ty đưa vào sản xuất nhưng bị lỗi đẩy ra ngoài đem về kho, Chi nhánh Công ty không theo dõi, quản lý chặt chẽ nên D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, D lên mạng xã

hội facebook tìm người mua, tuy nhiên đây là loại giấy đặc thù nên không có người mua; D đã liên hệ với nhiều người và một đơn vị thu mua phế liệu nhưng họ đều từ chối.

Cuối tháng 01/2024, D gặp và quen biết chị Phùng Thị H2 (sinh năm 1998; địa chỉ: tổ dân phố L, phường Đ, thành phố V). Qua nói chuyện, D biết H2 làm nghề thu mua phế liệu, sau đó D và H2 thỉnh thoảng nhắn tin, gọi điện hỏi thăm nhau. Quá trình nói chuyện, H2 hỏi D là Công ty của D làm việc có việc gì cho H2 làm với, D hiểu ý H2 muốn hỏi mua phế liệu của Công ty, D nói lại với H2 là việc trong Công ty đã có các nhà thầu khác làm hết rồi.

Đến đầu tháng 02/2024, H2 lại liên lạc nói chuyện với D qua ứng dụng Telegram. Qua trao đổi, D nói Công ty của D có giấy hỏng, lỗi không sử dụng được, là phế liệu, D hỏi H2 có mua không, H2 đồng ý mua. Khi đó cả hai thống nhất giá mua bán là 1.500 đồng/kg, còn việc vận chuyển giấy từ Công ty ra ngoài thì H2 phải tự thuê xe để vận chuyển. Quá trình thực hiện việc mua bán, D đều nói với H2 là giấy hỏng, lỗi không sử dụng được, là phế liệu nhưng thực tế D lại lấy giấy cuộn mới của Công ty mua về để sản xuất đem bán cho H2. Trong thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 4/2024, D đã nhiều lần chiếm đoạt tổng số 55 cuộn giấy cuộn của Chi nhánh Công ty bán cho H2, cụ thể:

Lần thứ nhất:

Sáng ngày 05/02/2024, D nhắn tin qua ứng dụng Telegram cho H2 và trao đổi là trong Công ty có khoảng chục tấn giấy phế liệu, hỏi H2 có mua không, vì D và H2 đã thống nhất việc mua bán từ trước nên H2 đồng ý. Du hướng dẫn H2 đến Công ty sớm để chở giấy đi, thời gian khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 06/02/2024, nếu đến muộn sẽ có đông người phải chờ lâu (ý D bảo H2 đến sớm để vận chuyển giấy đi vì D lo sợ nếu H2 đến lấy giấy muộn sẽ có nhiều người, dễ bị phát hiện); D còn hướng dẫn H2 khi đem xe ô tô vào chở giấy thì đăng ký tại cổng và lấy tên nhà xe là Công ty V (vì Công ty V là đơn vị thường vào Chi nhánh Công ty để vận chuyển giấy đến nhà máy tại Hà Nam), H2 đồng ý và bảo lại với D là H2 không trực tiếp đi được mà sẽ thuê người vào vận chuyển.

Để vận chuyển giấy, H2 liên hệ với Vũ Ngọc H3 (sinh năm 1982; trú tại: Tổ F, phường Đ, thành phố P - là bạn hàng cùng làm ăn với H2) thuê H3 đến Công ty để chở giấy cho H2; H2 bảo H3 khi đến cổng Công ty liên lạc với người bán có số điện thoại là 0364755775 của D, rồi làm thủ tục vào ở ngoài cổng lấy tên nhà xe là Công ty V và bảo H3 tìm thuê xe ô tô, chi phí cước xe H2 sẽ gửi sau. H3 đã thuê xe ô tô BKS 29C-29088 của một người đàn ông (hiện tại H3 không nhớ rõ thông tin, lai lịch của người này) với giá cước xe là 1.500.000 đồng để đi chở giấy vào sáng ngày 06/02/2024 cho H2.

Để chuẩn bị giấy cuộn bán cho H2, khoảng 17 giờ chiều ngày 05/02/2024 D sử dụng điện thoại đăng ký Zalo bằng số điện thoại 0364755775 nhắn tin cho Đoàn Văn S1 (là công nhân lái xe gắp của bộ phận kho), D bảo S1 về kho lấy giấy mai chuyển đi sớm, nhưng lúc đó S1 đã về nhà, S1 bảo lại với D là sáng mai sẽ đến sớm theo yêu cầu của D. Khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 06/02/2024, D đến

kho của Công ty thì đã thấy S1 có mặt ở đó, D bảo với Sinh gắp 07 cuộn giấy có thông tin của nhà sản xuất ghi trên các cuộn là HHS150-1800, DHS185-1600, HHS150-1800, DHS115-1350, HHS150-1650, VIC175-1250, DHS115-1950 và có mã tem Công ty theo dõi là 23JV0137, 23HV0827, 23JV0138, 24AV0175, 23IV0105, 23JV0332, 24BV0100 để ra khu vực chờ chuẩn bị gắp lên xe. Đến gần 07 giờ sáng ngày 06/02/2024, H3 cùng với lái xe ô tô BKS 29C-29088 do H3 thuê đến cổng Công ty gọi điện thoại và nói với D đến chở giấy cho H2, xe đang ở ngoài cổng thì D bảo H3 đưa xe vào cổng Công ty làm thủ tục rồi vào kho lấy giấy. H3 đã đến bộ phận bảo vệ làm thủ tục đăng ký, lấy tên nhà xe là Công ty V vào chở giấy như H2 hướng dẫn rồi H3 cùng với lái xe vào kho. Lúc này, S1 đã ở trong kho chờ sẵn và sử dụng xe gắp 07 cuộn giấy nêu trên lên xe ô tô BKS 29C-29088 theo yêu cầu của D. Sau khi bốc giấy xong, D lập phiếu xuất kho ghi biển số xe rồi đưa cho H3 để ra cổng làm thủ tục đem giấy ra ngoài Công ty, tại trạm cân của Công ty xác định khối lượng 07 cuộn giấy trên xe là 10.240 kg. Làm thủ tục xong, H3 bảo lái xe chở giấy cuộn về để ở kho xưởng trên đường N thuộc địa phận thôn Đ, xã C, thành phố P của Nguyễn Hồng Q (sinh năm 1984; trú tại: Tổ F, phường Đ, thành phố P). Sau đó, H2 xuống kho xưởng trên xem giấy và trả 1.500.000 đồng tiền mặt là tiền cước vận chuyển cho H3, chưa bao gồm tiền công của H3.

D và H2 tính số tiền mua bán giấy là 15.360.000 đồng (10.240kg x 1.500đ/kg); H2 chuyển trả 15.000.000 đồng cho D bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 828798798 của H2 mở tại Ngân hàng TMCP Q2 đến số tài khoản 9606060622 của Du mở tại Ngân hàng TMCP K1, còn lại 360.000 đồng Du cho H2.

Lần thứ hai:

Chiều ngày 05/3/2024, D nhắn tin qua ứng dụng Telegram cho H2 trao đổi về việc Công ty có giấy phế liệu, hỏi H2 có mua nữa không thì H2 đồng ý. Du với H2 thống nhất giá mua bán vẫn là là 1.500 đồng/kg, hình thức như ngày 06/02/2024.

Để vận chuyển giấy, H2 đến kho xưởng của Q gặp và thuê Đoàn Văn T1 (là người làm nghề vận tải chuyên thu mua phế liệu) đi chở giấy, T1 đồng ý. H2 bảo T1 khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 06/3/2024 đến Công ty O1 liên hệ với người bán có số điện thoại là 0364755775, rồi làm thủ tục đăng ký tên nhà xe Công ty V để vào vận chuyển giấy; T1 nhờ H3 liên hệ thuê xe ô tô của anh Nguyễn Văn T2 (ở T, S, Hà Nội - là Giám đốc Công ty TNHH D2) chở giấy.

Để chuẩn bị giấy cuộn bán cho H2, khoảng hơn 16 giờ ngày 05/3/2024, D nhắn tin qua Zalo gửi cho Đoàn Văn S1 thông tin 08 mã cuộn giấy của nhà cung cấp gồm: LMC250-1800, DHC170-1600, DHC170-1700, DHC170-1950, DHS115-1550, DHS115-1600, DHS115-1700, DHS115-1800 rồi gọi điện bảo S1 chuẩn bị các cuộn giấy trên để hôm sau chuyển đi Hà Nam sớm, S1 đồng ý. Khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 06/3/2024, D đến Công ty T5 đã có mặt ở kho, một lúc sau T1 gọi điện thoại nói với D là T1 đã đến Công ty chở giấy giúp H2. D bảo T1 cho xe vào cổng Công ty làm thủ tục, rồi vào kho để chở giấy. T1 cùng lái xe

là Nguyễn Văn T2 điều khiển xe ô tô BKS 29H-841.60 vào cổng Công ty làm thủ tục đăng ký vẫn lấy tên là nhà xe V1 vào chở giấy. Sau khi làm thủ tục xong, T2 điều khiển xe ô tô vào kho để chở giấy, S1 đã sử dụng xe gắp 08 cuộn giấy nêu trên lên xe ô tô theo yêu cầu của D và bóc tem dán trên 08 cuộn giấy gửi cho D, D xem tem các cuộn giấy đó là 23LV0510, 23JV0897, 23IV0983, 23IV0517, 24BV0533, 24CV0052, 24BV0079, 24BV0548. Sau khi bốc hàng xong, D lập phiếu xuất kho ghi biển số xe rồi đưa cho T1 để ra cổng làm thủ tục đem giấy ra ngoài Công ty, tại trạm cân của Công ty xác định khối lượng 08 cuộn giấy trên xe là 13.730 kg. Làm thủ tục xong, T1 bảo lái xe chở giấy cuộn về để ở kho xưởng nêu trên của Nguyễn Hồng Q. Sau đó H2 xuống kho xưởng xem giấy và trả 1.800.000 đồng tiền cước vận chuyển cho T1, chưa bao gồm tiền công của T1.

D và H2 tính số tiền mua bán giấy lần này là 20.595.000 đồng. Để tránh bị phát hiện nhận tiền trực tiếp từ H2, D mượn số tài khoản 139363688 mở tại Ngân hàng TMCP Q2 của Nguyễn Tuấn L1 (sinh năm 1990 ở T - T - Thanh Hóa - là bạn của D trước đây) để nhận tiền và bảo H2 chuyển tiền vào số tài khoản này. Cùng ngày, H2 chuyển khoản trả 20.000.000 đồng cho D vào tài khoản của L1 theo yêu cầu của D; còn lại 595.000 đồng Du cho H2. Sau khi nhận được tiền, L1 đã chuyển 19.500.000 đồng đến số tài khoản của D, còn lại 500.000 đồng Du cho L1.

Lần thứ ba:

Chiều ngày 14/3/2024, D nhắn tin qua ứng dụng Telegram trao đổi với H2 về việc Công ty có giấy bán và hỏi H2 có mua nữa không thì H2 đồng ý. Du với H2 thống nhất giá mua bán lần này là 2.000 đồng/kg, hình thức vẫn như các lần trước, thời gian chở giấy vào sáng sớm ngày 15/3/2024. Để vận chuyển giấy, H2 tiếp tục thuê T1 đến Công ty để chở giấy vào khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 15/3/2024, hình thức vào Công ty vận chuyển giấy vẫn như lần trước, T1 đồng ý.

Để chuẩn bị giấy cuộn bán cho H2, khoảng hơn 17 giờ ngày 14/3/2024 D nhắn tin qua Z gửi thông tin cho S1 08 mã cuộn giấy gồm DHC150-1200 số lượng 01 cuộn, DHC150-1950 số lượng 01 cuộn, DHC150-2100 số lượng 02 cuộn, HHS150-1650 số lượng 02 cuộn, DHS115-1950 số lượng 02 cuộn, bảo Sinh chuẩn bị sáng mai đến Công ty sớm gắp giấy đi các nhà máy. Khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 15/3/2024 D đến Công ty T5 đã có ở Kho, lúc này T1 gọi điện báo với D đã đến cổng Công ty để chở giấy cho H2, D hướng dẫn T1 cho xe vào làm thủ tục như lần trước. Sau khi làm thủ tục xong, T1 tiếp tục cùng T2 (là lái xe được T1 thuê lần trước) điều khiển xe ô tô BKS 29H-403.71 vào kho; S1 sử dụng xe gắp 08 cuộn giấy trên lên xe và bóc tem gửi cho D thông tin 08 cuộn giấy theo yêu cầu của D là 24CV0478, 24CV0454, 24BV0279, 24BV0280, 23IV0331, 23IV0434, 24CV0058, 24CV0059. Sau khi bốc hàng xong, D lập phiếu xuất kho ghi biển số xe rồi đưa cho T1 để ra cổng làm thủ tục đem giấy ra ngoài Công ty, tại trạm cân của Công ty xác định khối lượng 08 cuộn giấy trên xe là 14.520 kg. Làm thủ tục xong T1 bảo lái xe chở giấy cuộn về để ở kho xưởng nêu trên của Nguyễn Hồng Q. Sau đó H2 xuống kho xưởng trên xem giấy và trả 1.800.000 đồng tiền mặt là tiền cước vận chuyển cho T1, chưa bao gồm tiền công của T1.

D và H2 tính số tiền mua, bán giấy lần này là 29.040.000 đồng. Đến chiều ngày hôm đó H2 trả cho D 29.000.000 đồng tiền mặt tại khu Công nghiệp T 3 khi Du tan làm, còn lại 40.000 đồng lẻ D cho H2.

Lần thứ tư:

Sáng ngày 26/3/2024, D gọi điện qua ứng dụng Telegram trao đổi với H2 về việc Công ty có giấy bán, hỏi H2 có mua nữa không, H2 đồng ý. Cả hai thống nhất giá mua bán là 2.000 đồng/kg. D bảo H2 thời gian đến chở giấy là sáng sớm ngày 27/3/2024, hình thức như những lần trước.

Để vận chuyển giấy, H2 tiếp tục thuê T1 đến Công ty để chở giấy vào khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 27/3/2024, hình thức vào Công ty vận chuyển giấy vẫn như lần trước, T1 đồng ý.

Để chuẩn bị giấy cuộn bán cho H2, chiều ngày 26/3/2024 D bảo S1 sáng sớm mai đến kho để bốc giấy đi Hà Nam, S1 đồng ý. Khoảng gần 06 giờ sáng ngày 27/3/2024, D gọi điện qua Z và gửi hình ảnh bảo S1 chuẩn bị 08 cuộn giấy gồm các mã JC250-1900 số lượng 02 cuộn, JK170-1800 số lượng 01 cuộn, JK170-1950 số lượng 01 cuộn, DHS115-1700 số lượng 02 cuộn, DHS115-1950 số lượng 02 cuộn. Khoảng gần 06 giờ 30 phút ngày 27/3/2024, T1 gọi điện thoại cho D nói xe đến chở giấy cho H2 đang ở ngoài cổng, D hướng dẫn T1 cho xe vào làm thủ tục như những lần trước. Lúc này T1 cùng T2 lái xe ô tô BKS 29H-403.71 làm thủ tục vào Công ty; khi vào kho, S1 sử dụng xe gắp 08 cuộn giấy trên lên xe ô tô BKS 29H-403.71 và Sinh bóc tem 08 cuộn giấy gửi cho D có thông tin là 24CV0292, 24CV0317, 24CV0245, 24CV0808, 24CV0659, 24CV0661, 24CV0076, 24BV0541. Sau khi bốc hàng xong, D đến Công ty lập phiếu xuất kho ghi biển số xe rồi đưa cho T1 để ra cổng làm thủ tục đem giấy ra ngoài Công ty, tại trạm cân của Công ty xác định khối lượng 08 cuộn giấy trên xe là 13.110 kg. Làm thủ tục xong, T1 bảo lái xe chở giấy cuộn về để ở kho xưởng của Nguyễn Hồng Q. Do chờ đợi lâu nên tiền cước xe vận chuyển lần này T2 lấy của T1 là 2.800.000 đồng. Sau đó H2 xuống kho xưởng trên xem giấy và trả 2.800.000 đồng tiền mặt là tiền cước vận chuyển cho T1, chưa bao gồm tiền công của T1.

D và H2 tính số tiền mua, bán giấy lần này là 26.220.000 đồng. Đến chiều ngày 27/3/2024, H2 trả Du 26.000.000 đồng tiền mặt tại khu Công nghiệp T 3 khi Du tan làm, còn lại 220.000 đồng lẻ D cho H2.

Lần thứ năm:

Sáng ngày 02/4/2024, D tiếp tục gọi điện qua ứng dụng Telegram trao đổi về việc Công ty có giấy bán cho H2, cả hai thống nhất giá mua bán là 2.000 đồng/kg, D bảo H2 thời gian đến chở giấy là sáng sớm ngày 03/4/2024, hình thức vào lấy giấy như những lần trước. Để vận chuyển giấy, H2 tiếp tục thuê T1 đến Công ty để chở giấy vào khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 03/4/2024, hình thức vào Công ty vận chuyển giấy vẫn như lần trước, T1 đồng ý.

Để chuẩn bị giấy cuộn bán cho H2, chiều ngày 02/4/2024 D bảo S1 sáng sớm hôm sau đến Công ty gắp giấy mang đi các nhà máy, S1 đồng ý. Khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 03/4/2024 D gọi điện qua Z bảo S1 chuẩn bị 08 cuộn giấy có mã gồm DHC150-2100 số lượng 01 cuộn, JC250-1900 số lượng 01 cuộn, DHS115-1950 số lượng 01 cuộn, DHS125-1950 số lượng 01 cuộn, DHS185-2100 số lượng 03 cuộn, DHC150-1950 số lượng 01 cuộn để ra khu vực chờ. Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 03/4/2024, T1 gọi điện thoại cho D bảo xe của T1 đến chở giấy cho H2 đang ở ngoài cổng, D bảo T1 cho xe làm thủ tục vào Công ty như những lần trước. T1 cùng T2 lái xe ô tô BKS 29H-841.60 làm thủ tục vào Công ty; khi xe vào kho, S1 sử dụng xe gắp 08 cuộn giấy trên lên xe ô tô BKS 29H-841.60 và bóc tem 08 cuộn giấy gửi cho D có thông tin là 24CV0488, 24CV0321, 24AV0439, 23LV0181, 24CV0544, 24CV0605, 24CV0610, 23LV0609. Sau khi bốc hàng xong, D đến Công ty lập phiếu xuất kho ghi biển số xe rồi đưa cho T1 để ra cổng làm thủ tục đem giấy ra ngoài Công ty, tại trạm cân của Công ty xác định khối lượng 08 cuộn giấy trên xe là 14.890 kg. Làm thủ tục xong, T1 bảo lái xe chở giấy cuộn về để ở kho xưởng của Nguyễn Hồng Q. Sau đó H2 xuống kho xưởng xem giấy và trả 1.800.000 đồng tiền mặt là tiền cước vận chuyển cho T1, chưa bao gồm tiền công của T1.

D và H2 tính số tiền mua bán giấy lần này là 29.780.000 đồng. Để tránh bị phát hiện nhận tiền trực tiếp từ H2, D mượn tài khoản số 1013809656 mở tại Ngân hàng T6 của Nguyễn Tuấn A (sinh năm 1994 ở gần nhà với D tại phường H, thành phố P) để nhận tiền, bảo H2 chuyển tiền vào số tài khoản này. Đến 13 giờ 23’ ngày 03/4/2024 H2 chuyển trả 29.600.000 đồng cho D bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 828798798 của H2 đến số tài khoản của Tuấn A theo yêu cầu của D, còn lại 180.000 đồng Du cho H2. Sau khi nhận được tiền, Tuấn A đã chuyển khoản đến số tài khoản 9606060622 của Du số tiền 29.000.000 đồng vào hồi 13 giờ 26 phút cùng ngày, còn lại 600.000 đồng Du cho Tuấn A.

Lần thứ sáu:

Sáng ngày 08/4/2024, D tiếp tục gọi điện qua ứng dụng Telegram trao đổi với H2 về việc Công ty có giấy bán cho H2, cả hai thống nhất giá mua bán là 2.000 đồng/kg, D bảo H2 thời gian đến chở giấy là sáng sớm ngày 09/4/2024, hình thức vào lấy giấy như những lần trước. Để vận chuyển giấy, H2 tiếp tục thuê T1 đến Công ty để chở giấy vào khoảng hơn 05 giờ sáng ngày 09/4/2024, hình thức vào Công ty vận chuyển giấy vẫn như lần trước, T1 đồng ý.

Để chuẩn bị giấy cuộn bán cho H2, khoảng hơn 21 giờ ngày 08/4/2024 D gọi điện qua Z bảo S1 sáng mai đến sớm gắp giấy để mang đi nhà máy ở Hà Nam, S1 đồng ý. Khoảng hơn 05 giờ ngày 09/4/2024, D gọi điện qua Z bảo S1 chuẩn bị 08 cuộn giấy có các mã JC250-1900, DHC150-2100, JC250-1950, DHC150-1950, DHC170-2050, HHC150-1950, DHS115-1950, DHC170-1700 để ra khu vực chờ. Đến khoảng gần 05 giờ 30 phút cùng ngày, T1 cùng T2 lái xe ô tô BKS 29H-841.60 làm thủ tục vào Công ty; khi xe vào kho, S1 sử dụng xe gắp 08 cuộn giấy trên lên xe ô tô BKS 29H-84160 và bóc tem 08 cuộn giấy gửi cho D có thông tin

là 24CV0312, 24CV0463, 24CV0552, 24AV0077, 23IV0231, 24AV0726, 24BV0260, 23IV0984. Sau khi bốc hàng xong, D đến Công ty lập phiếu xuất kho ghi biển số xe rồi đưa cho T1 để ra cổng làm thủ tục đem giấy ra ngoài Công ty, tại trạm cân của Công ty xác định khối lượng 08 cuộn giấy trên xe là 13.520kg. Làm thủ tục xong, T1 bảo lái xe chở giấy cuộn về để ở kho xưởng của Nguyễn Hồng Q. Sau đó H2 xuống kho xưởng xem giấy và trả 1.800.000 đồng tiền mặt là tiền cước vận chuyển cho T1, chưa bao gồm tiền công của T1.

D và H2 tính số tiền mua bán giấy lần này là 27.040.000 đồng. Để tránh bị phát hiện nhận tiền trực tiếp từ H2, D tiếp tục mượn tài khoản số 1013809656 của Nguyễn Tuấn A để nhận tiền. Theo yêu cầu của D, hồi 12 giờ 46' ngày 09/4/2024 H2 trả 26.600.000 đồng cho D bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 828798798 của H2 đến số tài khoản trên của Tuấn A, còn lại 440.000 đồng Du cho H2. Sau khi nhận được tiền vào hồi 12 giờ 47' ngày 09/4/2024, Tuấn A chuyển khoản đến số tài khoản 9606060622 của Du số tiền 26.000.000 đồng, còn lại 600.000 đồng Du cho Tuấn A.

Lần thứ bảy:

Sáng ngày 12/4/2024, D tiếp tục gọi điện qua ứng dụng Telegram trao đổi với H2 về việc Công ty có giấy bán cho H2, cả hai thống nhất giá mua bán là 2.000 đồng/kg, D bảo H2 thời gian đến chở giấy là sáng sớm ngày 13/4/2024, hình thức vào lấy giấy như những lần trước. Để vận chuyển giấy, H2 tiếp tục thuê T1 đến Công ty để chở giấy vào khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 13/4/2024, hình thức vào Công ty vận chuyển giấy vẫn như lần trước, T1 đồng ý.

Để chuẩn bị giấy cuộn bán cho H2, khoảng hơn 21 giờ ngày 12/4/2024 D gọi điện qua Z bảo Sinh sáng sớm ngày 13/4/2024 đến kho gắp giấy để mang đi nhà máy, S1 đồng ý. Khoảng gần 06 giờ ngày 13/4/2024, D đến kho của Công ty và nhắn tin gửi cho Sinh thông tin 08 cuộn giấy có mã JK170-1750 số lượng 01 cuộn, JK170-1800 số lượng 01 cuộn, DHC150-1950 số lượng 01 cuộn, DHC150-2000 số lượng 01 cuộn, DHS115-1700 số lượng 01 cuộn, DHS115-1950 số lượng 02 cuộn, DHS125-2000 số lượng 01 cuộn, bảo Sinh chuẩn bị các cuộn này ra khu vực chờ, khi nào xe đến thì gắp lên xe. Khoảng hơn 06 giờ sáng ngày 13/4/2024, T1 cùng T2 lái xe ô tô BKS 29H-841.60 làm thủ tục vào Công ty; khi xe vào kho, S1 sử dụng xe gắp 08 cuộn giấy trên lên xe ô tô BKS 29H-841.60 và bóc tem 08 cuộn giấy gửi cho D có thông tin là 24DV0263, 24CV0850, 24CV0484, 24CV0456, 24BV0537, 24BV0071, 24BV0086, 24AV0105. Sau khi bốc hàng xong, D lập phiếu xuất kho ghi biển số xe rồi đưa cho T1 để ra cổng làm thủ tục đem giấy ra ngoài Công ty, tại trạm cân của Công ty xác định khối lượng 08 cuộn giấy trên xe là 14.390 kg. Làm thủ tục xong, T1 bảo lái xe chở giấy cuộn về để ở kho xưởng của Nguyễn Hồng Q. Sau đó H2 xuống kho xưởng xem giấy và trả 1.800.000 đồng tiền mặt là tiền cước vận chuyển cho T1, chưa bao gồm tiền công của T1.

D và H2 tính số tiền mua bán giấy lần này là 28.780.000 đồng. Để tránh bị phát hiện nhận tiền trực tiếp từ H2, D tiếp tục mượn số tài khoản 1013809656 của

Nguyễn Tuấn A để nhận tiền. Theo yêu cầu của D, hồi 13 giờ 30’ ngày 13/4/2024, H2 chuyển trả 28.600.000 đồng cho D bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 828798798 của H2 đến số tài khoản của Tuấn A, còn lại 180.000 đồng Du cho H2. Sau khi nhận được tiền, vào hồi 13 giờ 34’ ngày 13/4/2024, Tuấn A chuyển khoản 28.500.000 đồng đến số tài khoản 9606060622 của D, còn lại 100.000 đồng Du cho Tuấn A.

Như vậy: Từ tháng 02/2024 đến tháng 4/2024, D đã thực hiện chiếm đoạt giấy cuộn của Chi nhánh Công ty 07 lần với tổng số lượng là 55 cuộn giấy cuộn, bán cho H2 được tổng số tiền 174.800.000 đồng. Toàn bộ số giấy H2 mua của D đều được H2 thuê người vận chuyển về để nhờ tại kho xưởng của Nguyễn Hồng Q; sau đó, H2 bán cho nhiều người thu mua phế liệu với giá bán chênh lệch so với giá mua của D là 300 đồng/kg, trừ tiền thuê xe vận chuyển là 13.300.000 đồng, H2 thu lời 17.035.000 đồng. Khi bán giấy cho khách, H2 không ghi chép, theo dõi thông tin người mua nên đến nay không nhớ đã bán cho những ai, ở đâu.

Mỗi lần chiếm đoạt các cuộn giấy cuộn của Chi nhánh Công ty bán cho H2, căn cứ thông tin tem cuộn giấy mà S1 gửi, D đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ trong việc giao giấy hàng ngày cấp cho bộ phận sản xuất để đưa khống thông tin số cuộn giấy đã chiếm đoạt vào từng ngày cấp cho bộ phận sản xuất và trừ dần các cuộn giấy đã chiếm đoạt trên hệ thống theo dõi của Chi nhánh Công ty sao cho số giấy cuộn còn tồn trên hệ thống bằng số giấy cuộn tồn tại kho. Do vậy, khi đến kỳ kiểm tra hàng tồn kho vào cuối hàng tháng, Chi nhánh Công ty không phát hiện được việc D đã chiếm đoạt các cuộn giấy cuộn của Chi nhánh Công ty. Chỉ đến khi H2 đăng tải hình ảnh các cuộn giấy cuộn D đã chiếm đoạt bán cho H2 để chào bán trên mạng xã hội facebook thì Chi nhánh Công ty mới cho tiến hành kiểm tra lại toàn bộ hệ thống sổ sách ở các bộ phận và kiểm tra thực tế giấy cuộn tồn tại kho thì phát hiện 55 cuộn giấy cuộn của Chi nhánh Công ty đã bị Vũ Ngọc D chiếm đoạt và trình báo Cơ quan Công an.

Tổng số tiền D có được từ việc chiếm đoạt 55 cuộn giấy cuộn trên là 174.800.000 đồng. D đã cho Nguyễn Tuấn L1 500.000 đồng, Nguyễn Tuấn A 1.300.000 đồng vì đã cho D mượn tài khoản để nhận tiền; chuyển cho chị Nguyễn Thị H1 (vợ D) 23.300.000 đồng để chi tiêu; chuyển cho Nguyễn Tuấn L1 vay 2.000.000 đồng; chuyển trả nợ cho người thân và bạn bè gồm: Lưu Văn Q1 1.350.000 đồng, Hà Thị H4 19.500.000 đồng, Đinh Thị T3 3.000.000 đồng, Vũ Thị Ngọc N 6.500.000 đồng, Đỗ Thị Kiều N1 3.946.000 đồng, Nguyễn Thị D1 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn H5 6.000.000 đồng và sử dụng 11.000.000 đồng để mua xe mô tô BKS 88D1-352.18 nhãn hiệu Honda loại Abirlade, màu đen bạc; còn lại số tiền 93.404.000 đồng D đã sử dụng chi tiêu cá nhân và mua đồ dùng trên mạng xã hội.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 83/KL-HĐĐGTS ngày 21/6/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị 55 cuộn giấy cuộn mà D chiếm đoạt của Chi nhánh Công ty là 906.917.525 đồng.

Kết quả trưng cầu giám định:

- Ngày 17/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định số 786/QĐ-CSĐT(ĐCSKTMT) trưng cầu Phòng K2 - Công an tỉnh V giám định kỹ thuật số điện tử điện thoại di động của Đoàn Văn S1. Ngày 17/6/2024, Phòng K2 Công an tỉnh V có Kết luận giám định số 1748/KL-KTHS, kết luận: Thu được 3.783 tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên "Đoàn Tấn S2" và tài khoản tên "Vndu".

- Ngày 24/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định số 1034/QĐ-CSĐT(ĐCSKTMT) trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh V giám định bổ sung kỹ thuật số điện tử điện thoại di động của Đoàn Văn S1, bổ sung nội dung chụp ảnh màn hình hội thoại ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên "Đoàn Tấn S2" và tài khoản tên "Vndu" và chụp ảnh màn hình cuộc hội thoại ứng dụng T4 về cuộc hội thoại giữa tài khoản Telegram tên "Vu Du" và tài khoản Telegram tên "Hạnh Ngân". Ngày 15/7/2024 Phòng K2 Công an tỉnh V có Kết luận giám định số 2044/KL-KTHS, kết luận: Chụp được 663 ảnh màn hình điện thoại là tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên "Đoàn Tấn S2" với tài khoản tên "Vndu"; không tìm thấy dữ liệu tin nhắn ứng dụng Telegram giữa tài khoản tên "Vu Du" và tài khoản tên "Hạnh Ngân" do điện thoại không cài đặt ứng dụng Telegram.

- Ngày 06/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định số 2820/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh V giám định kỹ thuật số điện tử chiếc điện thoại di động của Đoàn Văn S1, bổ sung lịch sử các cuộc gọi, nội dung tin nhắn SMS, Z, M1, Telegram từ ngày 01/01/2024 đến 30/4/2024. Ngày 21/11/2024, Phòng K2 Công an tỉnh V có Kết luận giám định số 3312/KL-KTHS, kết luận: Thu được 1347 cuộc gọi, 237 tin nhắn SMS, 10.537 tin nhắn ứng dụng Zalo và 6.145 tin nhắn ứng dụng Messenger; không tìm thấy dữ liệu là tin nhắn ứng dụng Telegram. Toàn bộ dữ diệu thu được nêu trên được nén, sao lưu vào đĩa DVD.

Kiểm tra dữ liệu lưu trong đĩa DVD xác định:

+ Ngày 05/3/2024, tài khoản Zalo của D nhắn tin cho S1, với nội dung: "LMC250-1800 - 1, DHC170-1600 - 1, DHC170-1700 - 1, DHC170-1950 - 1, DHS115-1550 - 1, DHS115-1600 - 1, DHS115-1700 - 1, DHS115-1800 - 1".

+ Ngày 14/3/2024, tài khoản Zalo của D nhắn tin cho S1, với nội dung: "DHC150-1200: 1, DHC150-1950: 1, DHC150-2100: 2, HHS150-1650: 2, DHS115-1950: 2".

+ Ngày 27/3/2024, tài khoản Zalo của D gửi hình ảnh cho S1, với nội dung: "JC250-1900: 2, JK170-1800: 1, JK170-1950: 1, DHS115-1700: 2, DHS115-1950: 2".

+ Hồi 06 giờ 17' ngày 03/4/2024, tài khoản Zalo của D gọi điện thoại cho S1.

+ Hồi 05 giờ 14' ngày 09/4/2024, tài khoản Zalo của D gọi điện thoại cho S1.

+ Ngày 13/4/2024, tài khoản Zalo của D gửi tin nhắn cho S1 với nội dung: "JK170-1750,1800 x 1, DHC150-1950, 2000 x 1, DHS115-1700 x 1, DHS115-1950 x 2, DHS125-2000 x 1".

Quá trình điều tra, Đoàn Văn S1 khai nhận nội dung các cuộc gọi, nhắn tin trên liên quan việc D chỉ đạo Sinh chuẩn bị 55 cuộn giấy cuộn trong kho gắp lên ô tô để vận chuyển đi các nhà máy.

- Ngày 17/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định số 787/QĐ-CSĐT(ĐCSKTMT) trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử điện thoại di động của Vũ Ngọc D. Ngày 17/6/2024, Phòng K2 Công an tỉnh V có Kết luận giám định số 1749/KL-KTHS, kết luận: Thu được 3.781 tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên "Đoàn Tấn S2" và tài khoản tên "Vndu"; không tìm thấy dữ liệu là tin nhắn ứng dụng Telegram giữa tài khoản tên "Vu Du" và tài khoản tên "Hạnh Ngân".

- Ngày 24/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định số 1033/QĐ-CSĐT(ĐCSKTMT) trưng cầu giám định bổ sung kỹ thuật số điện tử điện thoại di động của Vũ Ngọc D, bổ sung nội dung chụp ảnh màn hình hội thoại ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên "Đoàn Tấn S2" và tài khoản tên "Vndu". Ngày 15/7/2024, Phòng K2 Công an tỉnh V có Kết luận giám định số 2043/KL-KTHS, kết luận: Chụp được 539 ảnh màn hình điện thoại là tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên "Vndu" với tài khoản tên "Đoàn Tấn S2".

- Ngày 06/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định số 2819/QĐ-CSKT trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử điện thoại di động của Vũ Ngọc D, bổ sung lịch sử các cuộc gọi, nội dung tin nhắn SMS, Z, M1, Telegram từ ngày 01/01/2024 đến 30/4/2024. Ngày 21/11/2024, Phòng K2 Công an tỉnh V có Kết luận giám định số 3311/KL-KTHS, kết luận: Thu được 5.192 cuộc gọi, 381 tin nhắn SMS, 49 tin nhắn Imessager, 12.062 tin nhắn ứng dụng Zalo và 742 tin nhắn ứng dụng Messenger. Không tìm thấy dữ liệu tại ứng dụng Telegram. Toàn bộ dữ diệu thu được trên được nén, sao lưu vào đĩa DVD.

Kiểm tra dữ liệu lưu trong đĩa DVD xác định:

+ Giữa số điện thoại 0364755775 của Du với số điện thoại 0944688899 của Đoàn Văn T1 phát sinh với nhau 14 lần liên lạc vào các ngày 06/3/2024, 15/3/2024, 27/3/2024, 03/4/2024; giữa số điện thoại 0364755775 của Du với số điện thoại 0336853233 của Vũ Ngọc H3 phát sinh với nhau 04 lần liên lạc vào ngày 06/02/2024; giữa số điện thoại 0364755775 của Du với số điện thoại 0921431888 của Phùng Thị H2 phát sinh với nhau 03 lần liên lạc vào ngày 27/3/2024, 03/4/2024.

+ Kiểm tra tài khoản Zalo của D và S2 phát hiện các cuộc gọi, tin nhắn liên quan đến việc D gửi cho S2 thông tin các cuộn giấy như nêu trên.

Quá trình điều tra, Vũ Ngọc D khai nhận nội dung các cuộc gọi giữa D và T1 vào các ngày 06/3/2024, 15/3/2024, 27/3/2024, 03/4/2024 liên quan đến việc T1 liên lạc với D để báo T1 đã đến cổng Công ty và làm thủ tục vào Công ty chở

giấy cho H2; nội dung các cuộc gọi giữa D và H3 vào ngày 06/02/2024 liên quan đến việc H3 liên lạc với D để báo H3 đã đến cổng Công ty và hỏi làm thủ tục vào Công ty chở giấy cho H2; còn các cuộc gọi giữa D và H2 vào ngày 27/3/2024, 03/4/2024 là các cuộc gọi nhỡ từ H, sau đó D đã gọi lại qua ứng dụng Telegram với H2 với nội dung trao đổi việc mua, bán giấy giữa D và H2.

- Ngày 18/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định số 1255/QĐ-CSĐT(ĐCSKTMT) trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử 01 USB chứa dữ liệu camera khu vực cổng ra vào của Công ty. Ngày 11/10/2024, Phòng K2 Công an tỉnh V có Kết luận giám định số 2924/KL-KTHS, kết luận: Trích xuất được 104 ảnh từ các tệp video được lưu trữ trong mẫu cần giám định, toàn bộ ảnh được in thành văn bản. Kiểm tra các tài liệu trong bản kết luận giám định xác định được thời gian ra vào Chi nhánh Công ty của các xe ô tô tải BKS 29C-290.88, 29H-841.60 và 29H-403.71.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Vũ Ngọc D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người liên quan, vật chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2025/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc D phạm tội "Tham ô tài sản". Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc D 10 (M2) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 14/9/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo theo quy định.

3. Kháng cáo: Ngày 04/7/2025, bị cáo Vũ Ngọc D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Vũ Ngọc D giữ nguyên đơn kháng cáo.

4.2. Kiểm sát viên đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án, đánh giá lời khai của bị cáo cũng như xem xét khách quan, toàn diện các tài liệu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo Vũ Ngọc D phạm vào tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng quy định

của pháp luật. Về hình phạt, xét thấy bị cáo đã 07 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt của Công ty Ojitex tổng số 55 cuộn giấy cuộn có trị giá 906.917.525 đồng nhưng thực tế bị cáo chỉ bán và thu được số tiền 174.800.000 đồng. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ, tuy nhiên đã xử phạt bị cáo 10 năm tù là có phần nghiêm khắc. Bị cáo Vũ Ngọc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt khi quy định của pháp luật hình sự đối với tội "Tham ô tài sản" có sự thay đổi theo Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025); bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả và được Công ty O xin giảm hình phạt; về hoàn cảnh của bị cáo có con gái bị di chứng bệnh bại não, chậm phát triển. Với những nội dung phân tích ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để áp dụng chính sách khoan hồng, nhân đạo và tinh thần quy định mới của pháp luật, giảm hình phạt cho bị cáo từ 02 đến 03 năm tù.

4.3. Người bào chữa cho bị cáo Vũ Ngọc D là Luật sư Phạm Văn T phát biểu ý kiến: Hoàn toàn nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân, điều kiện phạm tội; bị cáo đã được gia đình nộp thay khoản tiền án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm và hoàn cảnh gia đình của bị cáo để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo Vũ Ngọc D và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; các bản kết luận giám định, định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vũ Ngọc D được Chi nhánh Công ty TNHH O tại Vĩnh Phúc ký hợp đồng lao động làm việc tại bộ phận kho từ ngày 21/5/2023 đến ngày 20/5/2024. Ngày 14/01/2024, D được Chi nhánh Công ty giao nhiệm vụ là nhóm trưởng nhóm giấy cuộn bộ phận kho và đến cuối tháng 01/2024, D được giao làm quản lý bộ phận kho, được toàn quyền phân công mọi người làm việc, chịu trách nhiệm quản lý hàng hóa nhập vào, xuất ra tại kho, báo cáo định kỳ số lượng hàng hóa trong kho và kết quả công việc ở bộ phận kho cho người có thẩm quyền.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, D thấy nhà máy mới đi vào hoạt động, việc quản lý thiếu sự chặt chẽ nên D đã nảy sinh ý định lấy các cuộn giấy cuộn trong kho để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để thực hiện ý định trên, sau khi đã liên hệ và thống nhất với Phùng Thị H2 là người có nhu cầu mua các cuộn giấy cuộn về giá cả, phương thức làm thủ tục vào kho, giao nhận các cuộn giấy chở ra ngoài Công ty. Trong thời gian từ ngày 06/02/2024 đến ngày 13/4/2024, D đã 07 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số 55 cuộn giấy cuộn của Chi nhánh Công

ty có trị giá 906.917.525 đồng để bán cho H2 và được H2 trả số tiền 174.800.000 đồng. Để che dấu hành vi trên, sau mỗi lần chiếm đoạt các cuộn giấy cuộn bán cho H2, D đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ trong việc giao giấy hàng ngày để đưa khống thông tin số cuộn giấy đã chiếm đoạt vào từng ngày cấp cho bộ phận sản xuất và trừ dần các cuộn giấy này trên hệ thống theo dõi của Chi nhánh Công ty sao cho số giấy cuộn tồn trên hệ thống bằng số giấy cuộn tồn trong kho. Đến khi H2 đăng tải hình ảnh các cuộn giấy cuộn để chào bán trên mạng xã hội, Chi nhánh Công ty cho kiểm tra lại toàn bộ hệ thống sổ sách thì mới phát hiện 55 cuộn giấy cuộn của Chi nhánh Công ty đã bị Vũ Ngọc D chiếm đoạt.

Với những hành vi trên, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc D phạm vào tội "Tham ô tài sản" thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt. Đồng thời, đã xem xét bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có ông nội được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ T7, bà nội được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có con gái bị di chứng bệnh bại não, bản thân bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt và đại diện Công ty O xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ đó, đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo và Kiểm sát viên đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến đề nghị áp dụng tinh thần Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025) đối với bị cáo, xét thấy: Tại khoản 22 Điều 1 của Luật này có nội dung sửa đổi, bổ sung đối với khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là quy định có lợi cho người phạm tội, được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15; còn khoản 3 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì không có sửa đổi, bổ sung gì tại Luật này. Tuy nhiên, do Luật số 86/2025/QH15 đã sửa đổi bỏ hình phạt tử hình đối với tội "Tham ô tài sản" nên cũng cần xem xét về tinh thần của cả điều luật khi xét xử đối với bị cáo bị áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn mới bảo đảm sự công bằng trong áp dụng pháp luật.

[4] Mặt khác, xem xét khách quan, toàn diện những tình tiết của vụ án thì thấy: Bị cáo có hành vi chiếm đoạt 55 cuộn giấy cuộn có trị giá 906.917.525 đồng nhưng thực tế chỉ bán được số tiền 174.800.000 đồng. Sau khi vụ án bị phát hiện, gia đình bị cáo đã bồi thường được số tiền 430.000.000 đồng; những người đã nhận tiền của D có nguồn gốc từ việc bán các cuộn giấy cuộn đã nộp lại tổng số 34.632.000 đồng; đại diện Công ty O không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 442.285.525 đồng còn bị thiệt hại. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự do đã 07 lần thực hiện hành vi phạm tội; tuy nhiên, bị cáo cũng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, trong đó có tình tiết đã nêu ở trên được coi như đã bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con gái bị bệnh bại não. Do đó, để bảo đảm thực thi chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Theo đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội cải tạo để sớm được trở về chăm sóc gia đình, hòa nhập với xã hội, nhưng mức hình phạt vẫn phải bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vũ Ngọc D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2025/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ) về phần hình phạt đối với bị cáo Vũ Ngọc D.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc D 07 (bảy) năm tù, về tội "Tham ô tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 9 năm 2024.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Ngọc D không phải chịu.

3. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 9 năm 2025).

Nơi nhận:
- Vụ 1 Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (cơ sở 2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo (qua Trại); người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền